

**Phụ lục I**  
**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**  
**PHỔ THÔNG**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND HUYỆN CỬ CHI  
**TRƯỜNG THCS NHUẬN ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 103/BC-THCSND

Củ Chi, ngày 03 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức.**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Đát, ấp Ngã tư, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại: 028.35368609; địa chỉ thư điện tử: c2nhuanduccuchi.tphcm@moet.edu.vn; cổng thông tin điện tử: thcsnhuanduc.hcm.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: công lập; cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a. Sứ mệnh:

+ Đào tạo những công dân phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng hội nhập, đáp ứng với một thế giới luôn thay đổi.

+ Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

+ Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục toàn diện để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

b. Tầm nhìn:

Ổn định và phát triển. Hội nhập nhanh, phát triển về quy mô và chất lượng, vươn tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới ngày càng cao của xã hội. Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

Giữ vững và nâng cao vị thế của một trường nằm trong tốp những trường THCS hàng đầu của Huyện Củ Chi, nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn tự giác phấn đấu vươn lên vì sự phát triển của bản thân, vì danh dự và truyền thống nhà trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của thành phố và đất nước.

#### c. Mục tiêu:

##### - Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.

##### - Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu ngắn hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia, khẳng định chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn học sinh giỏi, giáo viên giỏi, xây dựng thương hiệu nhà trường trên địa bàn của huyện.

Mục tiêu trung hạn: Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn đến năm 2020 tiếp tục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia sau 5 năm lần II; phấn đấu đạt cấp độ 2 về kiểm định chất lượng giáo dục.

Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2025, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định trong tốp những trường có chất lượng cao của huyện Củ Chi. Đạt tập thể lao động xuất sắc.

+ Duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016 - 2021 và những năm sau.

+ Có quy mô chất lượng giáo dục ổn định và phát triển, giữ vững cấp độ 2 kiểm định chất lượng giáo dục.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức được thành lập từ năm 1999 theo Quyết định số: 525/QĐ-UB, ngày 27 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc tách trường và thành lập trường mới. Với nguồn kinh phí: 1.442.000.000 đồng do Hội Hữu nghị Việt - Nhật Hokuriku tài trợ với 14 phòng học trên diện tích khuôn viên gần 40.000m<sup>2</sup>. Trong năm học đầu tiên (1999 – 2000) có 7 lớp học (Khối 6: 3 lớp; khối 7: 2 lớp; khối 8: 2 lớp). Đến tháng 6 năm 2012, Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức được khởi công xây dựng mở rộng thêm theo Quyết định số: 9192/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 11 năm 2010 Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, với kinh phí đầu

tư xây dựng 46.087.000.000 đồng. Cơ sở vật chất trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy chương trình theo sách giáo khoa mới và nội dung điều chỉnh chương trình giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có cơ sở vật chất đồng bộ, cơ bản có đủ các trang thiết bị như: phòng nghe nhìn, các phòng bộ môn..., bàn ghế học sinh đúng qui cách trường chuẩn quốc gia hướng tới đáp ứng việc dạy và học cho 1.600 học sinh.

- Tăng cường trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học, đủ các phòng chức năng, phòng bộ môn có các trang thiết bị hiện đại. 100% viên chức thành thạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý. Chất lượng giáo dục đào tạo hàng năm luôn được đảm bảo và vượt so với kế hoạch. Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia. Duy trì trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Điền;
- Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Địa chỉ nơi làm việc: Đường Nguyễn Thị Đát, ấp Ngã tư, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số điện thoại: 0918505398;
- Địa chỉ thư điện tử: dienntkgcc@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức được thành lập từ năm 1999 theo Quyết định số: 525/QĐ-UB, ngày 27 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc tách trường và thành lập trường mới;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 980/QĐUBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 về công nhận Hội đồng trường của Trường THCS Nhuận Đức nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Quyết định số 19652/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 về Kiện toàn Hội đồng trường của Trường THCS Nhuận Đức nhiệm kỳ 2020 - 2025, chủ tịch hội đồng trường theo Quyết định số 1439/QĐ-UBND về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường của Trường THCS Nhuận Đức nhiệm kỳ 2020 – 2025 và danh sách thành viên hội đồng trường bao gồm:

1. Ông Nguyễn Thanh Điền – BTCB-HT Trường THCS Nhuận Đức.
2. Ông Nguyễn Minh Trí – Chủ tịch UBND xã Nhuận Đức.
3. Ông Huỳnh Tấn Hùng – Chủ tịch Công đoàn Trường.

4. Bà Nguyễn Thị Hoa Siêm – Bí thư chi đoàn trường.

5. Ông Võ Hữu Lợi – Trưởng Ban đại diện CMHS.

6. Ông Võ Văn Phụng – Tổ trưởng chuyên môn.

7. Bà Trần Thị Ngọc Thi – học sinh;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

1. Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức đối với ông Nguyễn Thanh Điền.

2. Quyết định số 5149/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức đối với ông Võ Đoàn Thái;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Quyết định số 98/QĐ-THCSND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Trường THCS Nhuận Đức về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THCS Nhuận Đức; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: được thực hiện theo Điều 2 của Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: được thực hiện theo Điều 3 của Quy chế tổ chức và hoạt động;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có;

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Điền;

- Chức vụ: Hiệu trưởng;

- Số điện thoại: 0918505398;

- Địa chỉ thư điện tử: dienntkgcc@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Đường Nguyễn Thị Đất, ấp Ngã tư, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục: được thực hiện theo Điều 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Được thực hiện theo Kế hoạch số 105/KH-THCSND ngày 15 tháng 8 năm 2021 của Trường THCS Nhuận Đức và

được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phê duyệt;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Được thực hiện theo Quyết định số 20/QĐ-THCSNĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Trường THCS Nhuận Đức;

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Được ban hành sau các cuộc họp của Hội Đồng trường;

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Được thực hiện theo Quyết định số 98/QĐ-THCSNĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THCS Nhuận Đức năm 2024 và những năm tiếp theo;

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Được thực hiện theo Đề án Vị trí việc làm số 08/ĐA-THCSNĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024;

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: thực hiện theo Thông báo tuyển dụng của UBND huyện Củ Chi.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý:

+ Hạng I: 0 người.

+ Hạng II: 24 người.

+ Hạng III: 10 người.

+ Trình độ đại học: 24 người.

- Số lượng nhân viên:

+ Văn thư viên: 01 người/Đại học.

+ Kế toán viên: 01 người/Cao đẳng.

+ Y sĩ hạng IV: 01 người/Trung cấp

+ Nghị định 111/NĐ: 04 người/lao động phổ thông;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 24/24 người, tỷ lệ 100%;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 24/24 người, tỷ lệ 100%.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: Nhà trường nằm trong khuôn viên với diện tích 39,659,000 m<sup>2</sup> (Ký ngày 26/02/2014), tờ bản đồ thứ 38 – Bộ địa chính xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi (theo tài liệu đo năm 2004).

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Đảm bảo với yêu cầu theo quy định

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị: 01 Phòng làm việc của hiệu trưởng, 01 Phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng giám thị, 01 phòng hành chính, 01 phòng Đoàn- Đội, 01 phòng truyền thống, 010 phòng tài vụ, 01 phòng nghỉ cho giáo viên, 01 phòng hội trường, 01 phòng y tế

- Khối phòng học tập: 30 phòng; diện tích mỗi phòng học là 56 m<sup>2</sup>

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 03 phòng chuẩn bị thí nghiệm Lý, Hoá, Sinh, diện tích mỗi phòng 24 m<sup>2</sup>; 04 phòng thực hành thí nghiệm: 01 phòng Lý (84m<sup>2</sup>), 01 phòng Hoá (84m<sup>2</sup>), 01 phòng Sinh (84m<sup>2</sup>), 01 phòng Kỹ thuật (84m<sup>2</sup>); Phòng Âm nhạc (56 m<sup>2</sup>); Phòng hội họa (56 m<sup>2</sup>); 02: Phòng vi tính (56 m<sup>2</sup> và 84m<sup>2</sup>). Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. 01 Phòng không gian văn hóa Hồ Chí Minh (56 m<sup>2</sup>). 02 phòng Thư viện (56 m<sup>2</sup> / 01 phòng).

- Khối phụ trợ: nhà trường có một nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; nhà để xe cho học sinh, đảm bảo an toàn, trật tự, mỹ quan trường học.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Khu sân chơi, bãi tập thể dục thể thao rộng rãi, sạch sẽ có diện tích 8.183,30m<sup>2</sup> (đạt khoảng 49,46% trên tổng diện tích sử dụng của trường), bên cạnh đó nhà trường còn có nhà tập thể dục thể thao đa năng với diện tích 368,44m<sup>2</sup> nên đáp ứng được yêu cầu theo quy định trong Điều lệ trường trung học. Trung bình là trên 16m<sup>2</sup>/học sinh đáp ứng tốt quy định hiện hành.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 06 phòng vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên, 12 phòng vệ sinh dành cho học sinh, trong đó mỗi khu nhà vệ sinh đều có riêng cho học sinh nam và học sinh nữ. 02 phòng nghỉ dành cho giáo viên, nhân viên

- Hạ tầng kỹ thuật: Được xây dựng kiên cố đúng quy định. Có đảm bảo hệ thống thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Diện tích các phòng được xây dựng đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định; Đảm bảo tối thiểu cho các hoạt động phục vụ trong công tác giáo dục.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số thiết bị dạy học hiện có: 1232

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt yêu cầu theo quy định

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: 1350 quyển.

### **Khối 6, 7, 8**

- Toán ( CTST)

- KHTN ( CTST)

- LS – ĐL ( CTST)

- Giáo dục thể chất ( CTST)

- Giáo dục công dân ( CTST)

- Công nghệ ( CTST)

- Âm nhạc ( CTST)

- Mĩ thuật ( CTST)

- Tin học 6 ( Cánh diều) – Tin học 7,8 ( CTST)

- Số lượng sách giáo khoa khối 6,7,8,9 năm học 2023 – 2024: 1350 quyển.

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 2598 quyển, bao gồm:

- Sách pháp luật

- Sách lịch sử các triều đại

- Sách lịch sử Việt nam, thế giới

- Sách kể chuyện Bác Hồ

- Sách lịch sử huyện Củ chi
- Sách Toán Học, hóa học, sinh học...
- Từ điển Tiếng Việt
- Từ điển Tiếng anh
- Sách bồi dưỡng HS giỏi các môn
- Sách y tế trường học
- Sách thiếu nhi
- Sách nghiệp vụ thư viện trường học.

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: thực hiện theo Kế hoạch 126/KH-THCSNĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Trường THCS Nhuận Đức.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: năm 2024, Trường THCS Nhuận Đức được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: trong Báo cáo số 79/BC-THCSNĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Trường THCS Nhuận Đức.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Kết quả tuyển sinh: 166 học sinh (155 học sinh đúng tuyển và 11 học sinh ngoài danh sách quy định).

- Tổng số học sinh theo từng khối: Khối 6: 157, khối 7: 143, khối 8: 119, khối 9: 142

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: khối 6: 39 HS/lớp, Khối 7: 36 HS/lớp, khối 8: 40 HS/lớp, khối 9: 35 HS/lớp.

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 561 học sinh.

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật: Tổng học sinh là dân tộc thiểu số: 16 học sinh (Số lượng học sinh nam là người dân tộc thiểu số 8 học sinh; số lượng học sinh nữ là người dân tộc thiểu số là 8 học sinh), tổng số học sinh khuyết tật là 06 học sinh.

- Số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: Số học sinh chuyển đi là 24 học sinh và số học sinh chuyển đến trường THCS Nhuận Đức là 12 học sinh.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

## BÁO CÁO KẾT QUẢ 2 MẶT GIÁO DỤC

CẢ NĂM - NĂM HỌC 2023-2024

STT	Khối/Lớp	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	HẠNH KIỂM											
				TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ĐẠT		YẾU/C.ĐẠT		Trên TB		KXL	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
<b>1</b>	<b>TC</b>	<b>561</b>	<b>268</b>	<b>514</b>	<b>91.62</b>	<b>46</b>	<b>8.20</b>	<b>1</b>	<b>0.18</b>			<b>561</b>	<b>100.00</b>		
<b>2</b>	<b>6</b>	<b>157</b>	<b>68</b>	<b>146</b>	<b>92.99</b>	<b>10</b>	<b>6.37</b>	<b>1</b>	<b>0.64</b>			<b>157</b>	<b>100.00</b>		
<b>3</b>	<b>7</b>	<b>143</b>	<b>77</b>	<b>128</b>	<b>89.51</b>	<b>15</b>	<b>10.49</b>					<b>143</b>	<b>100.00</b>		
<b>4</b>	<b>8</b>	<b>119</b>	<b>54</b>	<b>110</b>	<b>92.44</b>	<b>9</b>	<b>7.56</b>					<b>119</b>	<b>100.00</b>		
<b>5</b>	<b>9</b>	<b>142</b>	<b>69</b>	<b>130</b>	<b>91.55</b>	<b>12</b>	<b>8.45</b>					<b>142</b>	<b>100.00</b>		

Khối	HỌC LỰC												DANH HIỆU			
	TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ĐẠT		YẾU/C.ĐẠT		Trên TB		KXL		HSG/HSXS		HSTT	
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TC	168	29.95	204	36.36	172	30.66	17	3.03	544	96.97			167	29.77	52	9.27
6	45	28.66	59	37.58	46	29.30	7	4.46	150	95.54			45	28.66		
7	44	30.77	45	31.47	47	32.87	7	4.90	136	95.10			43	30.07		
8	39	32.77	48	40.34	32	26.89			119	100.00			39	32.77		
9	40	28.17	52	36.62	47	33.10	3	2.11	139	97.89			40	28.17	52	36.62

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

+ Lên lớp: 556.

+ Không lên lớp: 05.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở:

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 142 học sinh

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở: 25 học sinh.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

**1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:**

**a) Các khoản thu phân theo:**

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách nhà nước:

- Nguồn 12: 1.527.902.000đ

- Nguồn 13: 5.065.312.000đ

- Nguồn 14: 5.593.303.000đ

+ Hỗ trợ của nhà đầu tư: Không có;

+ Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học:

- Học phí: 355.670.000đ
- Học phí 2 buổi/ ngày: 224.600.000đ
- Học phí chương trình học Kỹ năng sống: 186.030.000đ
- Phở cập bơi: 25.480.000đ
- Ấn phẩm Đề - giấy thi : 19.549.331đ
- Nước uống: 43.200.000đ

+ Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không có

+ Nguồn thu khác: Không có

Loại hoạt động: (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

**b) Các khoản chi phân theo: từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024**

+ Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...)

Ngân sách

- Nguồn 12: 467.143.483đ
- Nguồn 13: 1.997.028.399đ
- Nguồn 14: 1.699.274.441đ

Sự nghiệp GD:

- Học phí 2 buổi/ ngày: 135.865.000đ
- Học phí chương trình học Kỹ năng sống: 51.755.250đ

**2. Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...)**

Ngân sách:

- Mua sắm, trang thiết bị: 12.012.000đ
- Thuê mướn lao động trong nước: 38.280.000đ
- Thuê GV dạy thỉnh giảng: 10.640.000đ

Sự nghiệp GD:

- Thuê chương trình kỹ năng sống HK II/2023-2024: 100.300.000đ
- Thuê hồ bơi: 25.480.000đ

**+ Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...)**

Ngân sách

- Hỗ trợ chi phí học tập: 13.200.000đ
- Khen thưởng học sinh cuối năm năm học 23-24: 15.457.000đ

Nguồn HP 2 buổi/ngày

- Chi các hoạt động phong trào: 3.290.000đ

**+Chi khác.**

Ngân sách:

- Nguồn 12: 57.998.778đ
- Nguồn 13: 454.949.090đ
- Nguồn 14: 77.828.420đ

Sự nghiệp GD:

- Học phí 2 buổi/ ngày: 35.641.589đ
- Học phí chương trình học Kỹ năng sống: 1.717.200đ

**3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.**

- + Học phí năm học 2023-2024: miễn 100%
- + Miễn 100% học phí 2 buổi/ ngày NH 2023-2024: 1.680.000đ
- + Giảm 50% học phí 2 buổi/ ngày NH 2023-2024: 5.520.000đ
- + Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo NĐ81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021: HKI 23-24: 2.400.000đ
- + Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật NĐ81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021: HKI 23-24: 3.600.000đ

**4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): số dư đầu năm 2024**

- + Quỹ phát sự nghiệp: 96.802.366đ
- + Quỹ phúc lợi: 147.776.140đ
- + Quỹ khen thưởng: 24.749.817đ
- + Quỹ bổ sung thu nhập: 113.558.507đ

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### Không có.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Nhuận Đức theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

#### Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- HĐT;
- Niêm yết, Trang web
- Lưu: VT.

#### THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)



TRƯỜNG  
TRUNG HỌC CƠ SỞ  
NHUẬN ĐỨC

Nguyễn Thanh Điền